

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Minh
- Bà Bùi Thị Nhân

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXX-ST ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Ngô Văn N; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A năm 2005. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, do anh N thiếu sự chia sẻ về tình cảm cũng như kinh tế với chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H và anh N có ba con chung là Ngô Minh Q, sinh ngày 22/12/2006, Ngô Văn Đ, sinh ngày 26/3/2009 và Ngô Thành C, sinh ngày 29/9/2015. Chị H yêu cầu được nuôi ba con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, chị Hòa không yêu cầu giải quyết.

Về chứng cứ: Chủ tọa công bố các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Ngô Văn N; về con chung, giao con Ngô Minh Q, Ngô Văn Đ và Ngô Thành C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện A nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai hợp lệ; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các điều 228, 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh N được UBND xã H, huyện A cấp chứng nhận kết hôn số 99 ngày 30/12/2005 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh N thiếu sự thông cảm, chia sẻ với chị H về tình cảm và kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã căng thẳng, trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh N có ba con chung như chị H trình bày ở trên là đúng. Anh N không có nguyện vọng gì về nuôi con chung. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả ba con là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng được ở với mẹ của các con nên giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Ngô Văn N.

Về con chung: Giao ba con chung là Ngô Minh Q, sinh ngày 22/12/2006, Ngô Văn Đ, sinh ngày 26/3/2009 và Ngô Thành C, sinh ngày 29/9/2015 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xét

Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004357 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã H (ĐKKH số 99/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng